TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72/2024/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 15 tháng 04 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 92/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Phạm Tuấn A, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số 0, khu phố X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: số 0, ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tuấn A và chị Nguyễn Thị Thu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/12/2013 nên quan hệ hôn nhân của anh Tuấn Anh và chị Trang là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh Tuấn Anh và chị Trang chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh Tuấn Anh và chị Trang đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên quyết định sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Cả hai xác định tình cảm vợ chồng không

còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, không có khả năng đoàn tụ và có yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Anh Tuấn Anh và chị Trang sống chung không có con chung. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về con chung, tài sản chung, nợ chung phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Anh Phạm Tuấn A và chị Nguyễn Thị Thu T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về nợ chung: Anh Phạm Tuấn A và chị Nguyễn Thị Thu T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về lệ phí Toà án: Anh Phạm Tuấn A và chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng lệ phí Tòa án. Do anh chị thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng nên Tòa án ghi nhận và trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tuấn A và chị Nguyễn Thị Thu T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Tuấn A và chị Nguyễn Thị Thu T trình bày không có.

- Về nợ chung: Anh Phạm Tuấn A và chị Nguyễn Thị Thu T trình bày không có.

2. Về lệ phí Toà án:

- Anh Phạm Tuấn A phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh Tuấn Anh đã nộp là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004145 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Anh Tuấn Anh đã nộp đủ lệ phí.

- Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị Trang đã nộp là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004144 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị Trang đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân thị trấn B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Văn Long